

Phần 2

Chương 3: Đánh giá với giá thị trường

Các vấn đề

- Vai trò của mô hình thị trường cạnh tranh trong đánh giá với giá thị trường
- Các trường hợp dùng giá thị trường để đánh giá
- Các trường hợp dùng giá ẩn thay giá thị trường để đánh giá
- Ước tính giá thị từ giá thị trường
- Ước tính giá trị từ giá ẩn
- Lợi ích và chi phí khi thị trường biến dạng

Cơ sở đánh giá theo giá thị trường



Thị trường không cạnh tranh



Điều chỉnh đối với can thiệp của chính phủ/ tài nguyên khan hiếm/ sở hữu nước ngoài



Sử dụng giá cả thị trường

- Thị trường cạnh tranh

- Điểm cân bằng đạt hiệu quả Pareto

- Giá thị trường = lợi ích và chi phí biên xã hội của một đơn vị hàng hoá tăng thêm

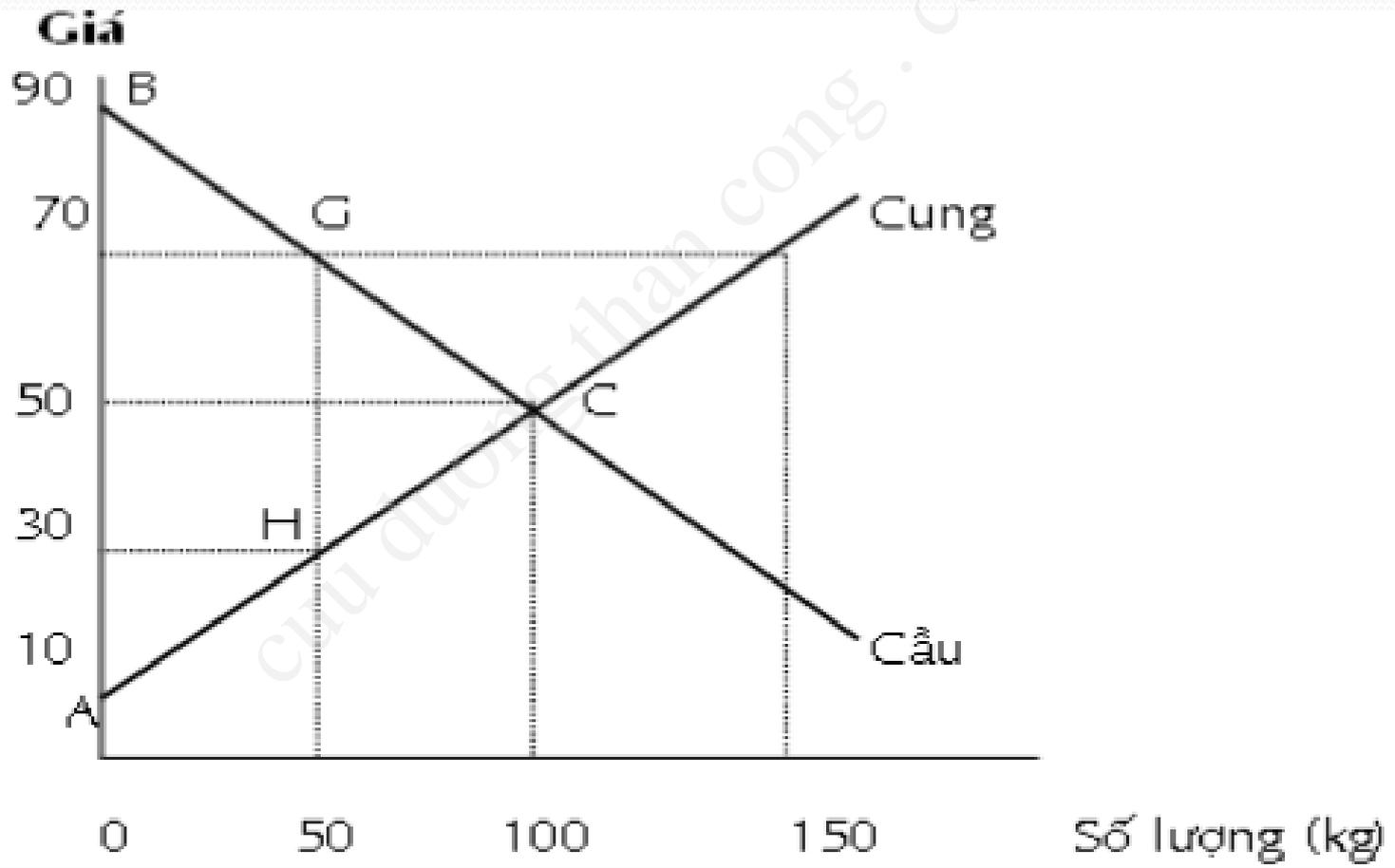
- Sự thay đổi lượng nhỏ so với toàn nền kinh tế gọi là thay đổi cận biên và ngược lại

- Thị trường không cạnh tranh: giá thị trường không đồng nhất với chi phí và lợi ích biên xã hội
 - Thị trường biến dạng do chính phủ can thiệp
 - Khan hiếm tài nguyên
 - Sở hữu nước ngoài

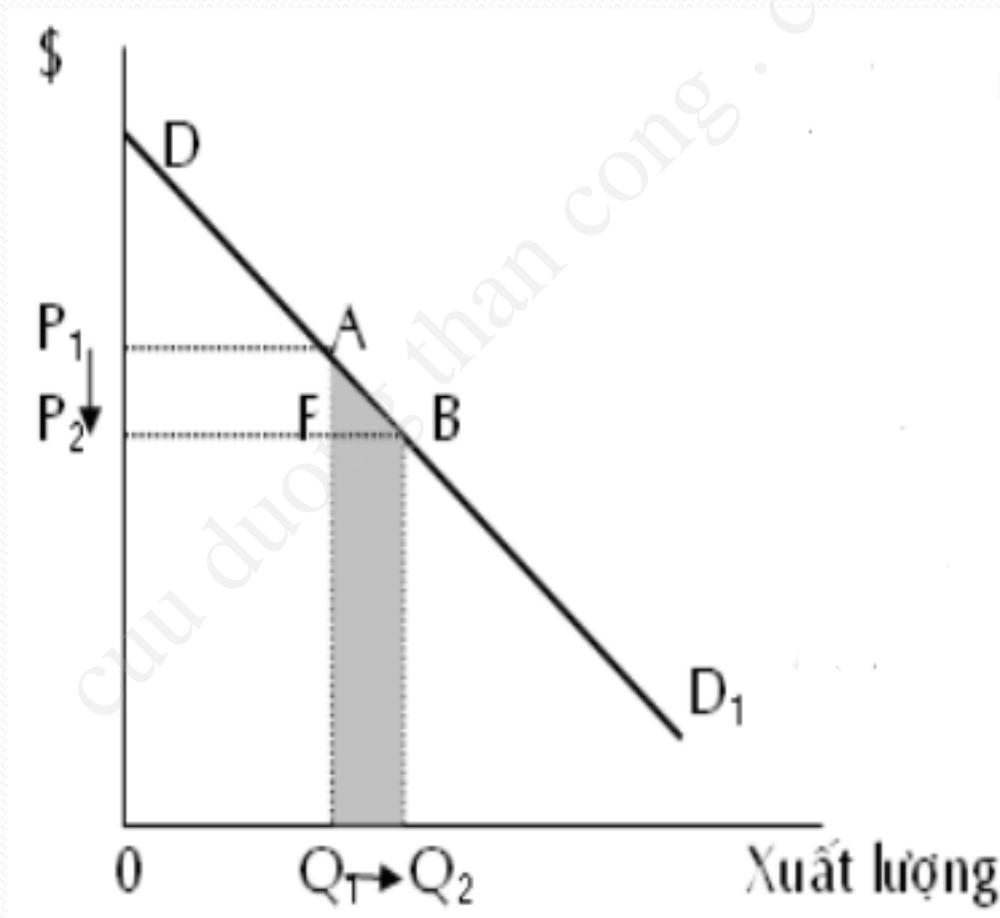
=> Điều chỉnh giá thị trường để tìm giá trị thực (giá ẩn)

- Giá ản (giá kinh tế) của hàng hoá/ xuất lượng là giá sẵn lòng trả thực sự của xã hội cho hàng hoá/ xuất lượng đó
- Giá ản (giá kinh tế) của nhập lượng là chi phí cơ hội thực của xã hội cho việc sản xuất ra nhập lượng đó
- Giá ản bắt nguồn từ điều chỉnh giá thị trường

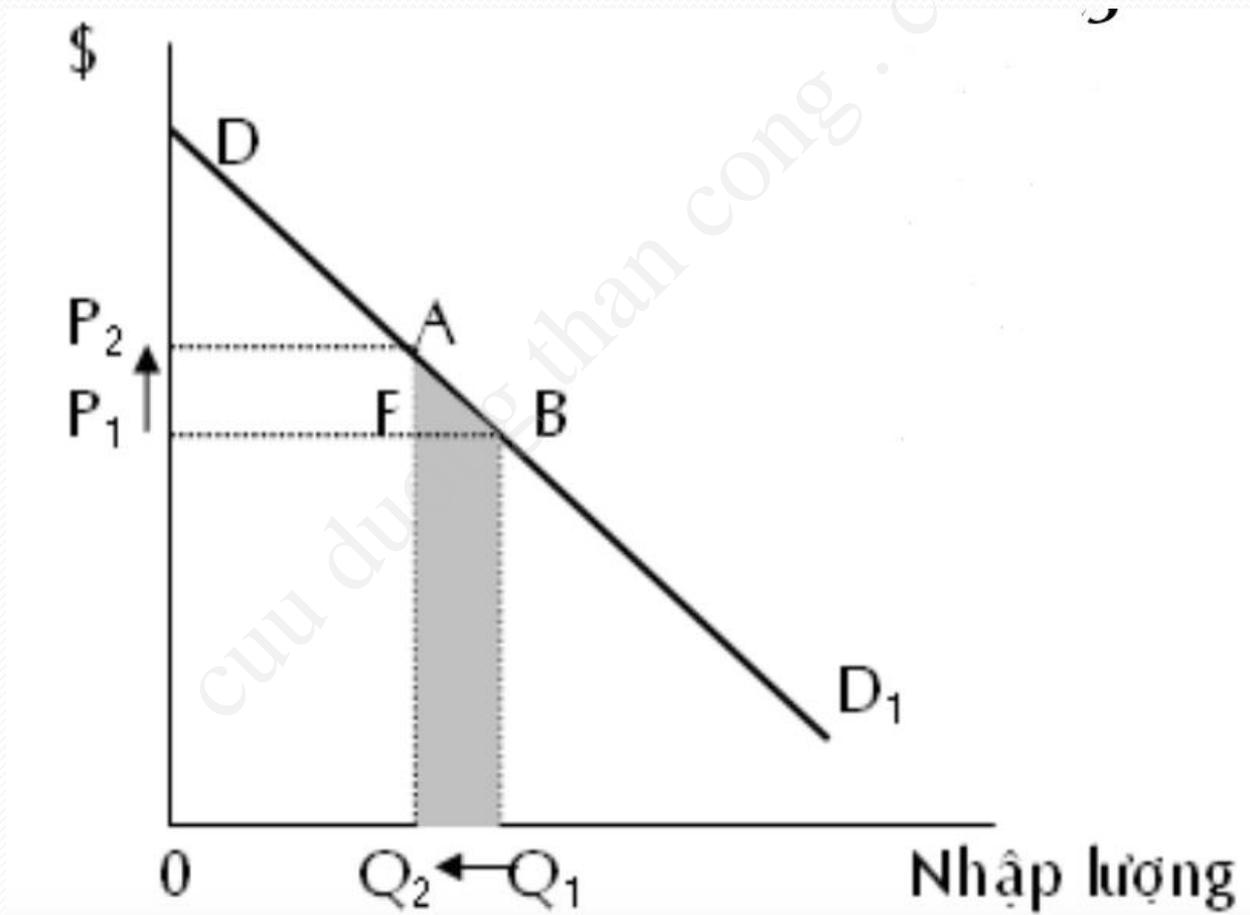
- Tại sao trong thị trường cạnh tranh, giá thị trường biểu hiện chi phí/lợi ích kinh tế của xã hội
 - Đường cầu \Rightarrow mức sẵn lòng trả \Rightarrow lợi ích xã hội từ việc tiêu dùng
 - Đường cung \Rightarrow chi phí cơ hội \Rightarrow chi phí xã hội từ việc sản xuất
- Cung cầu và điểm cân bằng là cơ sở tính toán lợi ích ròng



- Thay đổi cận biên
- Tăng/giảm sản lượng nhỏ nên giá không đổi/ thay đổi không đáng kể

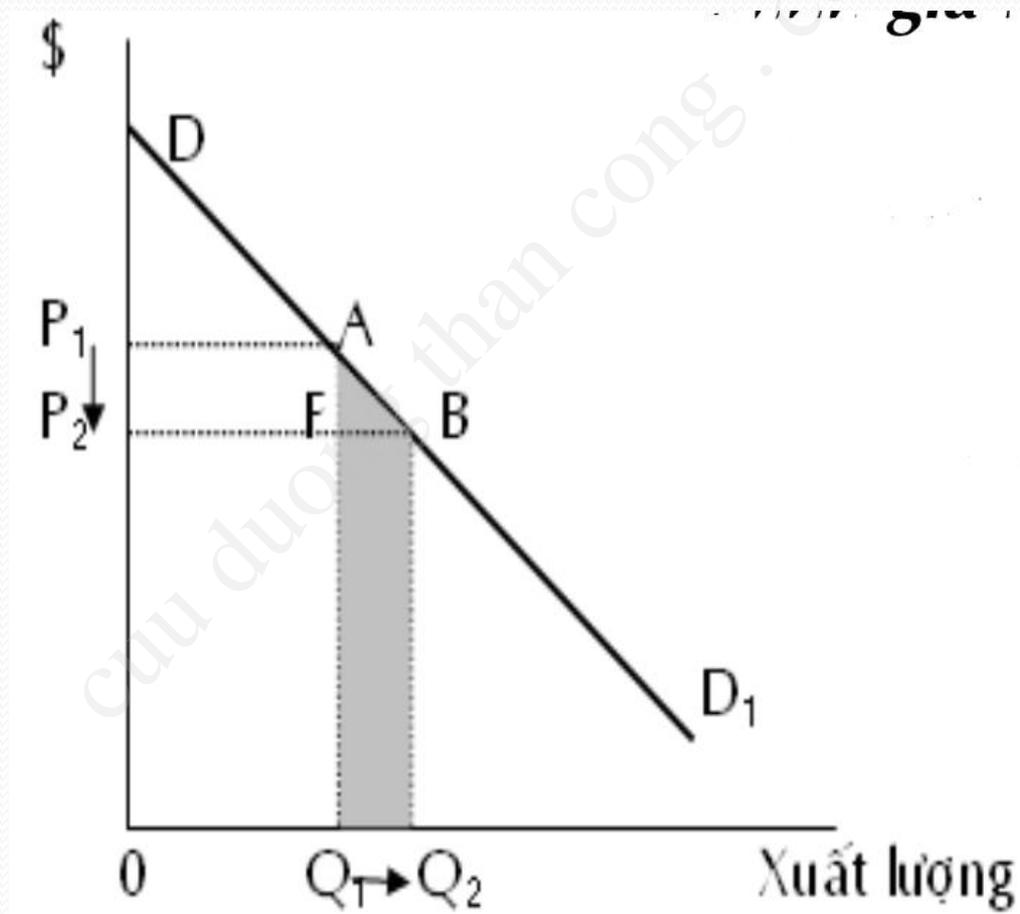


- Thay đổi cận biên $P=P_1=P_2$
- Tổng lợi ích = $P^*(Q_2-Q_1)$



- Thay đổi cận biên $P=P_1=P_2$
- Tổng chi phí = $P^*(Q_1-Q_2)$

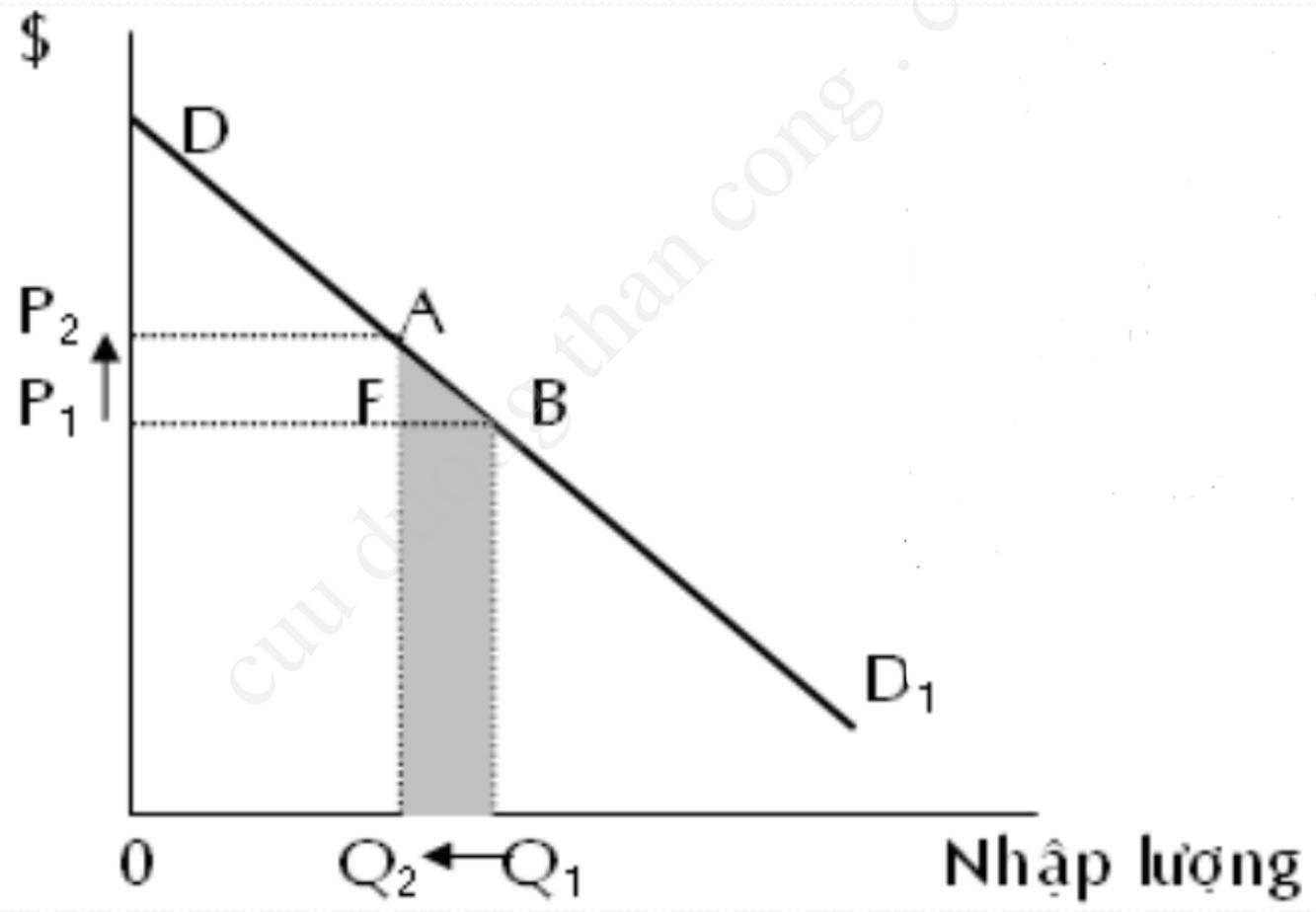
- Đánh giá lợi ích thay đổi không cận biên
- Dự án làm tăng số lượng hàng hoá từ Q_1 lên Q_2
- Giá giảm từ P_1 xuống P_2



- Tổng lợi ích = tổng giá sẵn lòng trả = diện tích nằm dưới đường cầu và nằm giữa Q_1 và Q_2

- $S_{ABQ_2Q_1} = S_{ABF} + S_{FBQ_2Q_1}$

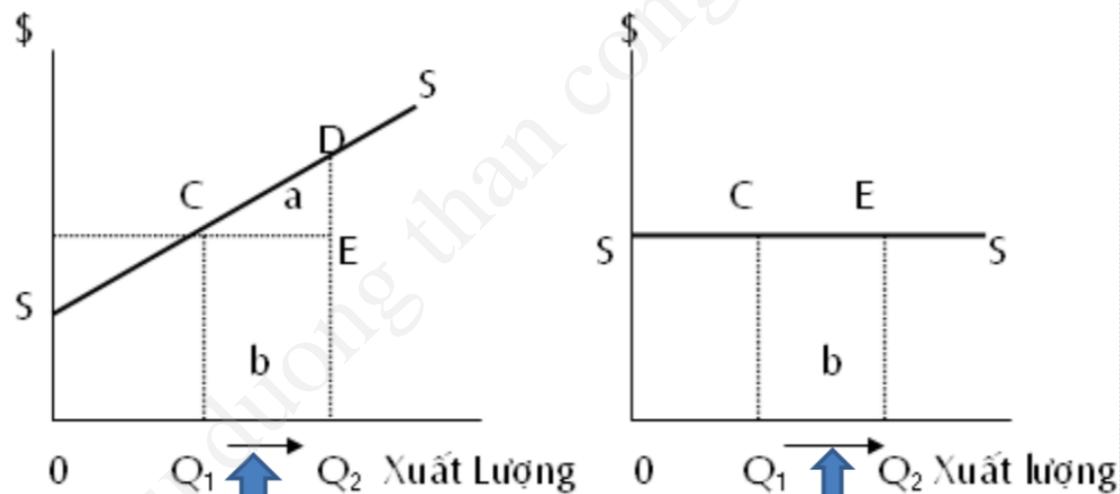
- Đánh giá chi phí thay đổi không cận biên
- Dự án sử dụng làm giảm nhập lượng trên thị trường từ Q_1 xuống Q_2
- Nhập lượng trên thị trường giảm số lượng \Rightarrow tăng giá từ P_1 lên P_2



- Tổng chi phí = Tổng chi phí cơ hội của nhập lượng =
Diện tích nằm dưới đường cầu từ Q_1 đến Q_2

- $S_{Q_2Q_1BA}$

Hình 5.4 Đánh Giá Sự Thay Đổi Không Biên Tế về Chi Phí Theo Đường Cung



Tổng chi phí =
 $Q_1CDQ_2 = a + b$

Tổng chi phí =
 $Q_1CEQ_2 = b$

Nghiên cứu tình huống

- Ví dụ trang 100, học liệu 1

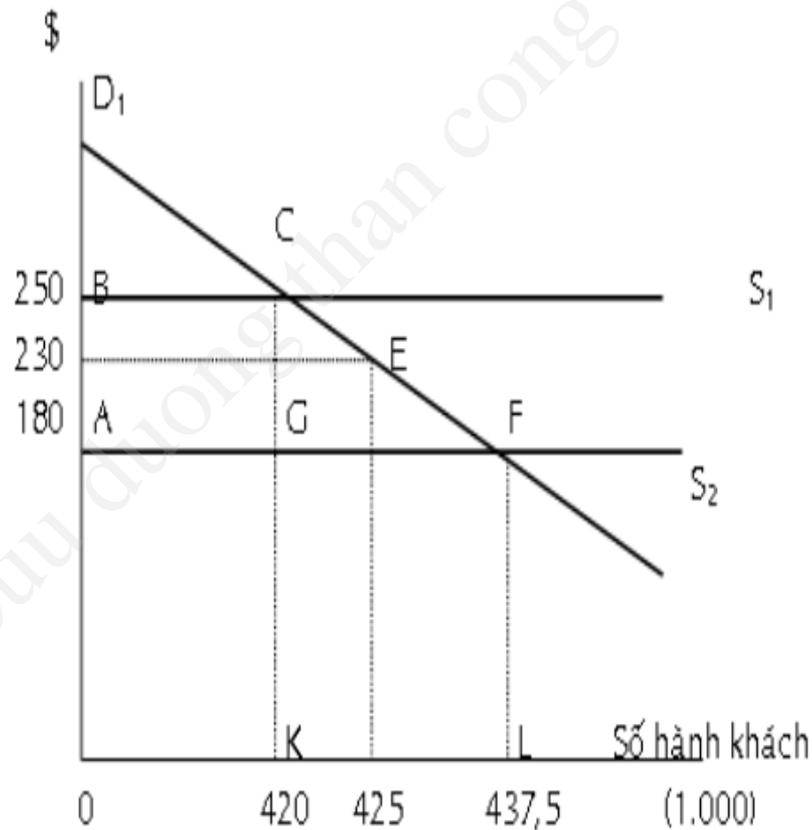
1. Nhận dạng vấn đề và xác định phương án giải quyết

- Hai hãng hàng không, đường bay nhu cầu (cầu) lớn nhưng khả năng đáp ứng (cung) thấp
- Giá vé quá cao
- Mở hãng thứ 3
- Lợi ích ròng?

2. Nhận dạng lợi ích chi phí

- Lợi ích
 - Giá \$250, lượng 420k
 - Giá \$230, lượng 425k
 - Hãng mới có chi phí biên \$180, giá vé \$180 do $P=MC$
- Chi phí
 - Chi phí thành lập
 - Mất đi thặng dư sản xuất của 2 hãng hiện hành

Hình 5.5 Lợi Ích và Chi Phí của Thay Đổi Không Biên Tế



- Xác định đường cầu
- Tổng lợi ích tăng thêm: S_{KFCL}
- Tổng chi phí tăng thêm: S_{KFGL}
- Lợi ích ròng = Tổng lợi ích – Tổng chi phí

4. Lập bảng chi phí lợi ích hàng năm (các chương sau)
5. Tính lợi ích chi phí xã hội ròng
6. So sánh phương án theo lợi ích XH ròng
7. Kiểm tra độ nhạy và đề xuất

- Thảo luận

- Lợi ích tất cả hành khách đi máy bay: $S_{ABCF} = \$30012500$

- Lợi cho hành khách hiện hành: $S_{ABCG} = \$29400000$

- Lợi cho hành khách tăng thêm: $S_{GCF} = \$612500$

- Chi phí cho 2 hãng hiện hành: $S_{ABCG} = \$29400000$

- Tăng lợi ích XH ròng: $S_{GCF} = \$612500$

- Thặng dư người tiêu dùng tăng \$30012500
- Thặng dư người sản xuất giảm \$29400000 do giá bằng chi phí cận biên
- Lợi ích xã hội ròng = Thặng dư tiêu dùng + thặng dư sản xuất = \$612500

Giá ẩn đối với thuế, thuế quan và trợ giá

- Trong thị trường không cạnh tranh, giá thị trường không phản ánh đúng lợi ích và chi phí biên xã hội
- Phải dùng giá ẩn

1. Đối với thuế và trợ cấp nói chung

- Hướng dẫn số 7 chương 2
- Xuất lượng : **tăng sản lượng**: bao gồm thuế nhưng trừ trợ cấp; **thay thế**: loại trừ thuế nhưng có trợ cấp
- Nhập lượng: **tăng sản lượng**: loại trừ thuế nhưng có trợ cấp; **thay thế**: bao gồm thuế nhưng trừ trợ cấp

- Lí do:

- Thuế và trợ giá đều làm thay đổi giá thị trường, làm giá cả trở thành tín hiệu biến dạng của lợi ích và chi phí xã hội
- Giá \$100, thuế \$20 => giá \$120 > lợi ích xã hội = \$100
- Giá \$100, trợ giá \$20 => giá \$80 < chi phí xã hội = \$100

2. Đối với thuế nhập khẩu: xem xét nguồn gốc

- Hàng nhập khẩu hoàn toàn (trong nước không sản xuất)
 - Giá ỉn = Giá bán trong nước – Thuế nhập khẩu
- Hàng sản xuất trong nước
 - Giá ỉn = chi phí biên xã hội loại trừ thuế, trợ giá và thuế nhập khẩu

- Ví dụ

- Sản phẩm mới: Giá dự kiến \$120, thuế bán hàng \$12, lãi ròng \$18, chi phí đầu vào \$90 bao gồm thuế sản xuất \$9, chi phí đầu vào trước thuế \$81
- Sản phẩm hiện hành: Giá \$110, thuế bán hàng \$10, chi phí đầu vào \$100

- Giá ản của sản phẩm mới

- Sản phẩm mới loại trừ hoàn toàn sản phẩm hiện hành: Giá ản là giá đầu vào tiết kiệm được nhờ không sản xuất sản phẩm hiện hành, không tính thuế, có tính trợ cấp => giá ản \$100
- Sản phẩm mới làm tăng lượng bán trên thị trường và không loại trừ sản phẩm hiện hành: Giá ản là giá sẵn lòng trả bao gồm thuế => giá ản \$120

- Giá ẩn của đầu vào sản xuất: Chính phủ trợ giá \$5 cho đầu vào sản xuất, chi phí trước thuế là \$9. Giá ẩn của nhập lượng

<i>Trường hợp sản xuất</i>	<i>Giá ẩn</i>	<i>Cách tính</i>
Tăng sản lượng thị trường (không tính thuế nhưng có trợ giá)	86 (= 81 + 5)	Chi phí trước thuế + trợ giá
Thay thế sản phẩm hiện hành (có thuế, loại trừ trợ cấp)	90 (= 81 + 9)	Chi phí trước thuế + thuế

3. Đối với lao động

- Toàn dụng lao động
 - Khi lao động của một dự án thay thế việc làm hiện hành thì nó được định giá bằng tiền lương hiện hành bao gồm các loại thuế
 - Giá ản = Giá tiền lương thị trường hiện hành

- Không toàn dụng lao động (có thất nghiệp)
 - Khi tồn tại người lao động thất nghiệp, dự án thu hút những người thất nghiệp vào làm thì giá ản lao động bằng 0
 - Giá ản = \$0

- Lao động cả có việc làm trước lần thất nghiệp
 - Giá ản bình quân = Tỷ lệ có việc làm được tuyển dụng * tiền lương hiện hành của họ

4. Điều chỉnh đối với sở hữu nước ngoài

- Thuế (lợi tức, giá trị gia tăng, tài nguyên) mà các công ty sở hữu nước ngoài trả chính là lợi ích của nước ta => giá ản = toàn bộ giá trị thuế
- Lợi nhuận ròng của công ty sở hữu nước ngoài được chuyển ra nước ngoài => giá ản = 0

- Công ty khai thác dầu khí 100% sở hữu nước ngoài:
 - Thăm dò và đầu tư ban đầu từ năm 1-3, khai thác từ năm 4 – 20
 - Sản lượng hàng năm: 5 triệu thùng giá \$30/thùng
 - Thuế lợi tức 40% trên lợi nhuận, thuế tài nguyên 8% doanh thu
 - Tuyển dụng 600 công nhân cho năm 1-3, từ năm 4 tuyển thêm 600, tỷ lệ thất nghiệp 50%, lương công nhân là \$40000/người/năm
 - Chi phí đầu tư ban đầu là \$20 triệu, chi phí hoạt động từ năm 4 là \$16 triệu 1 năm

	Năm	Khoản thu	Tư nhân	Xã hội
Lợi ích	Năm 4-20	Doanh thu gộp	150	0
		Thuế lợi tức		30
		Thuế tài nguyên		12
		Cộng	150	42
Chi phí	Năm 1-3	Lao động	24	12
		Vốn	20	20
		Cộng	44	32
	Năm 4-20	Lao động	48	24
		Chi phí hoạt động	16	16
Thuế lợi tức		30	0	
	Thuế tài nguyên	12	0	
		Cộng	106	40